

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo công văn số 373/ĐHTN-SDH, ngày 25 tháng 03 năm 2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Dùng cho việc rà soát các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ

Tên chuyên ngành đào tạo : **Chăn nuôi**

Mã số : 8 62 01 05

THÁI NGUYÊN - 2019

1. Tên chuyên ngành, mã số, quyết định giao chuyên ngành đào tạo: Chăn nuôi, Mã số: 8620105,

- Quyết định số 1948/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/9/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Đại học Thái Nguyên đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chăn nuôi

2. Đơn vị quản lý chuyên môn: Khoa Chăn nuôi thú y, Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

3. Chuẩn đào ra của chuyên ngành đào tạo:

1. Kiến thức

- Vận dụng được khối kiến thức chung để lý giải và lập luận những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra cho ngành Chăn nuôi.
- Áp dụng các kiến thức cơ sở chuyên ngành để giải thích, phân tích xây dựng chiến lược, chương trình, dự án, kế hoạch và đề xuất các giải pháp có tính thực tiễn, hiệu quả cho các nghiên cứu và tổ chức ngành sản xuất ngành Chăn nuôi.
- Áp dụng các kiến thức nâng cao trong chăn nuôi gia súc, gia cầm để lựa chọn, phân tích, quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện được các quy trình công nghệ chăn nuôi gia súc gia cầm đạt chất lượng cao... .

2. Kỹ năng

- Khái quát hóa, phân tích, lựa chọn và lý giải được vấn đề liên quan đến chuyên ngành.
- Triển khai, tổ chức sản xuất, chế biến bảo quản thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi. Thiết kế, xây dựng các mô hình chăn nuôi phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội khác nhau.
- Thành thạo nguyên tắc trong nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các kết quả nghiên cứu và thực tiễn sản xuất.
- Tổ chức triển khai các quy trình công nghệ chăn nuôi theo từng vùng sinh thái đạt hiệu quả cao.
- Lập kế hoạch, phân tích, quản lý, tổ chức điều hành sản xuất, kinh doanh tốt. Tổng hợp, phân tích, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh đến hoạt động sản xuất của ngành.
- Xây dựng, đánh giá, phân biện các dự án nông nghiệp, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến chuyên ngành.
- Nghiên cứu khoa học độc lập và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành. Sử dụng thành thạo các công cụ, trang thiết bị phục vụ cho học tập nghiên cứu.
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và chuyên môn (trình độ B1, khung châu Âu)
- Thao tác tốt các phần mềm tin học văn phòng, tin học ứng dụng, sử dụng thành thạo Internet trong cập nhật và xử lý thông tin.
- Áp dụng các phương pháp tiếp cận nông thôn, làm việc nhóm, làm việc độc lập, tổng hợp vấn đề và viết báo cáo.

3. Thái độ

- Tôn trọng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong cuộc sống và công tác chuyên môn.
- Sẵn sàng học hỏi, lắng nghe và chia sẻ, xây dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng.
- Mạnh dạn tự tin đề xuất ý tưởng, xây dựng và bảo vệ ý tưởng. Bình tĩnh, thiện trí xử lý các tình huống trong công việc.

4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chuyên ngành

4.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chuyên ngành:

Bảng 1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh KH, Học vị, năm công nhận	Chuyên ngành được đào tạo	Số HVCH hướng dẫn đã bảo vệ/Số HVCH được giao hướng dẫn(2008-2018)	Số học phần/môn học trong CTĐT hiện đang phụ trách giảng dạy	Số công trình công bố trong nước trong 2008-2018	Số công trình công bố ngoài nước trong 2008-2018
1.	Từ Quang Hiển	1954	GS,TS	Chăn nuôi		2	21	06
2.	Trần Văn Phùng	1960	PGS. TS. 1998	Chăn nuôi		1	20	01
3.	Nguyễn Duy Hoan	1961	PGS. TS. 1994	Chăn nuôi		1	25	01
4.	Trần Thanh Vân	1962	PGS, TS 1998	Chăn nuôi		1	26	02
5.	Trần Huê Viên	1959	PGS. TS. 2000	Chăn nuôi		1	3	-
6.	Nguyễn Thị Thuý Mỹ	1964	PGS.TS, 2005	Chăn nuôi		1	12	02
7.	Nguyễn Đức Hùng	1958	TS,2005	Chăn nuôi		1	3	-
8.	Hà Văn Doanh	1957	TS,1995	Chăn nuôi		1	-	-
9.	Trương Hữu Dũng	1965	TS,2004	Chăn nuôi		1	4	-
10.	Bùi Thị Thơm	1974	TS, 2011	Chăn nuôi			12	01
11.	Nguyễn Hưng Quang	1974	PGS.TS, 2014	DD&TACN		1	15	06
12.	Từ Trung Kiên	1981	PGS.TS,2014	Chăn nuôi			13	-
13.	Hồ Thị Bích Ngọc	1980	TS,2012	DD&TACN		1	06	-
14.	Trần Thị Hoan	1982	TS,2012	DD&TACN			12	
15.	Nguyễn Thị Quyên	1981	TS,2012	Chăn nuôi			4	

16.	Trần Văn Thăng	1969	TS,2012	Chăn nuôi ĐV		1	11	6
17.	Cù Thị Thúy Nga	1976	TS, 2014			1	03	-

Bảng 2. Đội ngũ cán bộ thỉnh giảng tham gia đào tạo chuyên ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh KH, Học vị, năm công nhận	Chuyên ngành được đào tạo	Số HVCH hướng dẫn đã bảo vệ/Số HVCH được giao hướng dẫn	Số học phần/môn học trong CTĐT hiện đang phụ trách giảng dạy	Số công trình công bố trong nước trong 2008-2012	Số công trình công bố ngoài nước trong 2008-2012
1.	Trần Tố	1950	TS,2004	Chăn nuôi	5/5	1	4	0
2.	Hoàng Toàn Thắng	1955	PGS. TS. 1996	Chăn nuôi	8/8	1	4	-
3.	Trần Trang Nhung	1957	TS,2000	Chăn nuôi	8/8	1	3	2
4.	Nguyễn Thị Liên	1958	TS, 2000	Chăn nuôi	7/7	1	4	-
5.	Phan Đình Thắm	1955	PGS. TS. 1991	Chăn nuôi	5/5	1	12	-
6.	Nguyễn Văn Bình	1966	PGS. TS. 1997	Chăn nuôi	1/1		7	
7.	Dương Mạnh Hùng	1954	TS, 1991	Chăn nuôi	2/2	1	1	
8.	Trần Văn Tường	1954	PGS. TS. 1994	Chăn nuôi	1/1	1	1	-

4.2.Chương trình đào tạo chuyên ngành:

4.2.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Năm bắt đầu đào tạo: 1993.
- Thời gian tuyển sinh: Tháng 3 và Tháng 9 hàng năm.
- Môn thi tuyển: Toán cao cấp thống kê
- Môn thi Cơ sở: Sinh lý động vật;
- Môn Ngoại ngữ: Trình độ B Ngoại ngữ

Thời gian đào tạo: 2 năm

- Số tín chỉ tích lũy: 53 tín chỉ
- Tên văn bằng: Thạc sĩ Nông nghiệp

4.2.2. Chương trình đào tạo

A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)				SỐ TÍN CHỈ
PHI	651	Triết học		3
ENG	651	Ngoại ngữ		5
B. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (21 TÍN CHỈ)				
1. Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)				
ABC	621	Sinh hoá động vật		2
APH	621	Sinh lý động vật		2
AGV	621	Di truyền - Giống động vật		2
FNC	621	Thức ăn và dinh dưỡng gia súc		2
BIA	621	Vi sinh vật chăn nuôi		2
RAV	621	Phương pháp nghiên cứu trong Chăn nuôi - Thú y		2
2. Các học phần tự chọn (9 tín chỉ)				
BIT	621	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Chăn nuôi - Thú y		3
EEN	621	Sinh thái - Môi trường		2
FSH	621	Vệ sinh an toàn thực phẩm		3
PRM	621	Xây dựng và quản lý dự án		2
RET	621	Công nghệ sinh sản		2
HFE	621	Kinh tế nông hộ và trang trại		2
LHY	621	Vệ sinh gia súc		2

C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (12 TÍN CHỈ)

1. Các học phần bắt buộc (6 tín chỉ)

POR	621	Chăn nuôi gia cầm	2
PIR	621	Chăn nuôi lợn	2
CAR	621	Chăn nuôi trâu bò	2

2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)

PHT	621	Công nghệ sau thu hoạch	2
BER	621	Nuôi ong	2
GRR	621	Chăn nuôi dê - thỏ	2
GFP	621	Đồng cỏ & cây thức ăn gia súc	2
AQU	621	Nuôi trồng thủy sản	2
INF	621	Truyền nhiễm & Quản lý dịch bệnh	2

D. LUẬN VĂN THẠC SĨ (12 TÍN CHỈ)

4.2.3. Mô tả chi tiết nội dung học phần

A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)

PHI 651 (3 tín chỉ) - Triết học

Học phần kế thừa những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo Triết học ở bậc đại học, phát triển và nâng cao những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học - công nghệ, những vấn đề mới của thời đại và đất nước. Học viên được học các chuyên đề chuyên sâu; kiến thức về nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng. Trên cơ sở đó giúp cho học viên có khả năng vận dụng kiến thức Triết học để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.

ENG 651 (5 tín chỉ) - Ngoại ngữ

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn, giúp cho

học viên có thể đọc, dịch tài liệu phục vụ cho việc học tập các môn học chuyên ngành, nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn thạc sĩ

B. KHÓI KIẾN THỨC CƠ SỞ (21 TÍN CHỈ)

1. Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)

ABC 621 (2 tín chỉ) - Sinh hoá động vật

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về thành phần hóa học của các chất dinh dưỡng được đưa vào cơ thể và sự chuyển hóa của chúng trong cơ thể động vật bình thường, hiểu được bản chất, hậu quả, của những quá trình rối loạn sự trao đổi chất trong cơ thể để tìm ra nguồn gốc, nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh một cách hiệu quả. Giúp học viên tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu sinh hóa học hiện đại để triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học.

APH 621 (2 tín chỉ) - Sinh lý động vật

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về chức năng và điều hòa chức năng sinh lý các cơ quan, bộ phận của cơ thể động vật trong mối quan hệ thống nhất của toàn bộ cơ thể cũng như giữa cơ thể với môi trường sống, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, khai thác và sử dụng gia súc, gia cầm. Kiến thức sinh lý là kiến thức cơ sở để đánh giá các biến đổi bệnh lý gia súc, gia cầm mắc bệnh, từ đó có các biện pháp thú y thích hợp nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe của chúng.

AGV 621 (2 tín chỉ) - Di truyền, Giống động vật

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về di truyền, giống vật nuôi và ứng dụng của di truyền, giống vật nuôi trong chăn nuôi, thú y. Trong đó, trình bày khái quát về vai trò lịch sử và xu thế phát triển của di truyền học, những kiến thức căn bản, lĩnh vực nổi bật nhất của di truyền và ứng dụng của di truyền trong chăn nuôi, thú y; Kiến thức cơ bản về giống vật nuôi và đặc điểm của các giống vật nuôi, các phương pháp đánh giá, chọn lọc, nhân giống, tổ chức quản lý, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học giống vật nuôi ở Việt Nam.

FNC 621 (2 tín chỉ) - Thức ăn và dinh dưỡng gia súc

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng protein, khoáng, vitamin và các chất bổ sung vào thức ăn của gia súc gia cầm; các phương pháp ước tính giá trị năng lượng của thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng của lợn, gia cầm và động vật nhai lại.

BIA 621 (2 tín chỉ) - Vi sinh vật chăn nuôi

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khoa học chuyên sâu và nâng cao về vi sinh vật sau khi đã học chương trình vi sinh vật học đại cương ở bậc đại học; nghiên cứu chuyên sâu về sự chuyển

hóa của vi sinh đối với các chất trong tự nhiên, hệ vi sinh vật trong các loại sản phẩm thực vật và động vật; từ đó đề xuất các biện pháp bảo quản, chế biến các loại thức ăn cho gia súc, gia cầm và các sản phẩm thú sản, thực phẩm như: thịt, cá, trứng, sữa,....

RAV 621 (2 tín chỉ) - Phương pháp nghiên cứu trong Chăn nuôi - Thú y

Nghiên cứu trong chăn nuôi - thú y có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của ngành, phản ánh khách quan, chính xác, tin cậy kết quả của nghiên cứu khoa học. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức về phương pháp bố trí thí nghiệm, xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê sinh vật học.

2. Các học phần tự chọn (9 tín chỉ)

BIT 631 (3 tín chỉ) - Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Chăn nuôi - Thú y

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển, phân loại, thành tựu và xu thế phát triển của công nghệ sinh học; Những lĩnh vực nổi bật nhất của công nghệ sinh học động vật và ứng dụng của công nghệ sinh học trong chăn nuôi, thú y: công nghệ hỗ trợ sinh sản, công nghệ sinh dược phẩm, công nghệ sản xuất vacxin tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng tế bào gốc. Những ứng dụng mới của công nghệ sinh học trong chế biến thực phẩm, xử lý phế thải và bảo vệ môi trường.

EEN 621 (2 tín chỉ) - Sinh thái môi trường

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức lý luận cơ bản nhất về tổ thành, kết cấu, chức năng và động thái của hệ sinh thái, hệ sinh thái rừng, cảnh quan rừng, hệ sinh thái nông nghiệp và hệ sinh thái đô thị; về tính ổn định các hệ sinh thái, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp điều tiết không chế nhằm phát triển cá hệ sinh thái theo hướng ổn định bền vững. Kiến thức cơ bản về hiện trạng tài nguyên môi trường sinh thái, cơ chế biến đổi các hệ sinh thái quan trọng giữa sự can thiệp của con người, về quy luật tác động tương hỗ giữa các thành phần trong các hệ sinh thái, phương pháp đánh giá, dự báo chất lượng môi trường sinh thái và tìm kiếm các giải pháp quản lý các hệ sinh thái bền vững.

FSH 621 (2 tín chỉ) - Vệ sinh an toàn thực phẩm

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn về thực phẩm có nguồn gốc động vật, nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm, cơ chế của các quá trình bệnh có nguồn gốc từ thực phẩm do thực phẩm bị ô nhiễm vi sinh vật, ký sinh trùng cũng như tác hại của hóa chất, kháng sinh và hoocmon tồn dư trong thực phẩm có nguồn gốc động vật; các biện pháp vệ sinh thú y (chủ yếu trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật). Vận dụng kỹ thuật HACCP và biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

PRM 621 (2 tín chỉ) - Xây dựng và Quản lý dự án

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về điều tra thu thập thông tin, xử lý thông tin, xây dựng và tổ chức thực hiện, quản lý dự án thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp. Trên cơ sở đó giúp học viên có thể xây dựng và quản lý các dự án thuộc các lĩnh vực khác của quốc gia và quốc tế.

RET 621 (2 tín chỉ) - Công nghệ sinh sản

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về hoạt động sinh dục ở gia súc nuôi (con đực và con cái), một số kỹ thuật sinh sản nhân tạo ở gia súc (thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi), một số kỹ năng cơ bản trong khai thác tinh, đánh giá chất lượng tinh và dẫn tinh đối với gia súc.

HFE 631 (3 tín chỉ) - Kinh tế nông hộ và trang trại

Học phần nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất (nông hộ và trang trại); Xem xét và giải quyết các vấn đề về nguồn lực của nông hộ, trang trại trên cơ sở phát huy có hiệu quả các nguồn lực. Giúp học viên tiếp cận với các phương pháp phân tích đánh giá kinh tế nông hộ và trang trại, biết được chủ trương và các định hướng lớn cho việc phát triển kinh tế nông hộ và trang trại.

LHY 621 (2 tín chỉ) - Vệ sinh gia súc

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về phòng bệnh cho động vật nuôi trên cơ sở nghiên cứu về vệ sinh môi trường sống: Đất, nước, không khí, thức ăn, chuồng trại, ...

C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (12 TÍN CHỈ)

1. Các học phần bắt buộc (6 tín chỉ)

POR 621 (2 tín chỉ) - Chăn nuôi gia cầm

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về chăn nuôi gia cầm trên thế giới và Việt Nam; chọn, tạo, nhân giống gà chuyên dụng; kỹ thuật nuôi dưỡng gia cầm bố mẹ (gà, vịt, ngan) phương thức nhốt hoàn toàn; kỹ thuật nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng thịt, trứng gia cầm.

PIR 621 (2 tín chỉ) - Chăn nuôi lợn

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức sâu về khoa học chăn nuôi lợn trong nước và thế giới: đặc điểm sinh học của lợn, công tác giống lợn, ứng dụng công nghệ trong công tác giống lợn, kỹ thuật chăn nuôi các loại lợn và một số nét mới trong nghiên cứu về khoa học chăn nuôi lợn (công tác quản lý trong công nghệ sinh sản của lợn, quan hệ giữa dinh dưỡng và năng suất sinh sản, quản lý về dư lượng dược phẩm trong sản phẩm thịt lợn). 125

CAR 621 (2 tín chỉ) - Chăn nuôi trâu bò

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về: thực trạng và các định hướng cơ bản trong việc phát triển chăn nuôi trâu bò ở Việt Nam; tiếp thu các kiến thức mới, hiện đại về các biện pháp kỹ thuật trong công tác giống, dinh dưỡng và thức ăn, nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý sử dụng từng loại đối

tượng trâu bò nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả chăn nuôi.

2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)

PHT 621 (2 tín chỉ) - Công nghệ sau thu hoạch

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức giúp học viên nắm được các nguyên lý và phương pháp bảo quản đối với một số sản phẩm chăn nuôi phổ biến (thịt, cá, trứng, sữa,...) để vận dụng vào thực tế sản xuất và quản lý.

BER 621 (2 tín chỉ) - Nuôi ong

Học phần cung cấp các kiến thức: cấu tạo cơ thể ong, cấu tạo tổ ong, các cấp ong, kỹ thuật tạo ong chúa và nhân đàn, một số bệnh thường gặp ở ong.

GRR 621 (2 tín chỉ) - Chăn nuôi dê, thỏ

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng chủ yếu nhất về các đặc tính sinh học đặc thù của con dê và con thỏ; kỹ thuật chọn giống, nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, nâng cao khả năng sản xuất của dê, thỏ; cách chế biến các sản phẩm thịt, sữa, lông dê, thỏ.

GFP 621 (2 tín chỉ) - Đồng cỏ và cây thức ăn gia súc

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng chủ yếu nhất về các đặc tính của các thực vật chính trên đồng cỏ, phương pháp xây dựng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cỏ và sử dụng đồng cỏ chăn nuôi gia súc.

AQU 621 (2 tín chỉ) - Nuôi trồng thủy sản

Học phần cung cấp những kiến thức về các nguyên lý cơ bản nuôi trồng thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam; Các văn bản pháp quy liên quan đến nuôi trồng thủy sản, các đặc trưng và định hướng phát triển của nuôi trồng thủy sản ở nước ta đến 2010, đặc biệt vấn đề khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

INF 621 (2 tín chỉ) - Truyền nhiễm & Quản lý dịch bệnh

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về bệnh truyền nhiễm ở gia súc, gia cầm; cập nhật kiến thức một số bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện ở Việt Nam và phương pháp chuẩn đoán nhanh, chính xác phục vụ cho công tác phòng chống dịch có hiệu quả.

D. LUẬN VĂN THẠC SĨ (12 TÍN CHỈ)

Luận văn thạc sĩ là một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn do đơn vị đào tạo giao hoặc do học

viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý và Hội đồng khoa học đào tạo chuyên ngành chấp thuận. Học viên được phép bảo vệ luận văn thạc sĩ sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành.

4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đào tạo

Bảng 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đào tạo

Nội dung	Số lượng
1. Số phòng thí nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo	1
2. Số cơ sở thực hành phục vụ chuyên ngành đào tạo	2
3. Số cơ sở sản xuất thử nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo	2
4. Số đầu giáo trình phục vụ chuyên ngành đào tạo	
4.1. Giáo trình in	11
4.2. Giáo trình điện tử	-
5. Số đầu sách tham khảo phục vụ chuyên ngành đào tạo	
5.1. Sách in	41
5.2. Sách điện tử	-
6. Số tạp chí chuyên ngành phục vụ chuyên ngành đào tạo	
6.1. Tạp chí in	86
6.2. Tạp chí điện tử	-

Các minh chứng cho bảng 3

- **Nội dung 1, 2, 3:** Ghi số lượng phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, sản xuất thử nghiệm, lập bảng riêng cho mỗi loại:

TT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, CS SX thử nghiệm	Năm đưa vào vận hành	Tổng giá trị đầu tư	Phục vụ cho thí nghiệm, thực hành của các học phần/môn học
----	---	----------------------	---------------------	--

1	Trại thực tập thí nghiệm	1970	43 tỷ	- Chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò, Gà....
2	Trung tâm nuôi trồng thủy sản miền núi phía Bắc	2009	52 tỷ	- N/C sản xuất cá giống, cá thịt, SX thức ăn
3	Viện N/C khoa học sự sống	2008	50 tỷ	- Sinh lý sinh hóa, dinh dưỡng, thức ăn, vệ sinh môi trường...

Nội dung 4, 5, 6: Chỉ ghi số giáo trình, sách, tạp chí phục vụ chuyên ngành đào tạo và lập bảng riêng theo mẫu sau cho mỗi loại:

TT	Tên giáo trình / sách / tạp chí	Thể loại (in, điện tử)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Phục vụ cho học phần/môn học
1	Chăn nuôi lợn	in	PGS.TS. Trần Văn Phùng	NXBNN	Chăn nuôi lợn
3	Chăn nuôi trâu bò	in	PGS.TS. Trần Văn Tường PGS.TS. Nguyễn Văn Bình	NXBNN	Chăn nuôi trâu bò
3	Thức ăn và dinh dưỡng vật nuôi	in	GS.TS. Từ Quang Hiến, Phan Đình Thắm. , 2001	NXBNN	Thức ăn dinh dưỡng
4	Sinh lý vật nuôi	in	PGS.TS. Hoàng Toàn Thắng	NXBNN	Sinh lý ĐV
5	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi	in	TS. Trương Hữu Dũng	NXBNN	Phương pháp thí nghiệm
6	Vi sinh vật chăn nuôi	in	TS. Nguyễn Thị Liên	NXBNN	Vi sinh vật
7	Sinh hoá động vật	in	PGS.TS. Trần Tố	NXBNN	Sinh hoá động vật
8	Di truyền học	in	PGS.TS. Phạm Thành Hồ	NXBNN	Di truyền
9	Giống vật nuôi	in	TS. Dương Mạnh Hùng	NXBNN	Giống vật nuôi
10	Dinh d-ìng GS	in	L ^a Do ðn Di ^a n, Vò ThĐ Th-	NXBGD, 1996	Giềng vĒt nu«i
11	Di truyÒn hăc sè l-ìng	in	PGS. PTS. NguyÔn V`n ThiÕn	NXBNN.1995	Di tuyÒn
12	Giềng vĒt nu«i	in	PGS. PTS. NguyÔn V`n	NXBNN.1997	Giềng vĒt

			ThiÖn, PGS. PTS. NguyÖn Kh, nh Qu¾c		nu«i
13	Ch"n nu«i l"n	in	PGS. NguyÖn ThiÖn, PGS. Vª Trªng Hèt, PGS. NguyÖn Kh, nh Qu¾c, PTS. NguyÖn Duy Hoan	NXBNN1998	Ch"n nu«i §V
14	Ch"n nu«i gia cÇm	in	PTS. NguyÖn Duy Hoan, PGS. PTS. B"i §øc Lòng, PTS. NguyÖn Thanh S-n, PTS. §øpn Xu©n Tróc	NXBNN,1999	Ch"n nu«i §V
15	C«ng nghÖ sau thu ho¹ch ®èi víi c,c s¶n phÈm ch"n nu«i	in	Lª V"n LiÖn, Lª Kh¾c Huy, NguyÖn Thª Liªn	NXBNN,1997	Ch"n nu«i §V
16	Di truyÒn hãc ®éng vÛt	in	GS. PTS. NguyÖn V"n ThiÖn, PGS. PTS. NguyÖn Kh, nh Qu¾c	NXBNN,1996	
17	Sinh lý sinh s¶n gia sóc	in	PGS. PTS. NguyÖn TÊn Anh, PTS. NguyÖn Duy Hoan	NXBNN1998	Sinh lý §V
18	Di truyÒn sè l-îng	in	PGS. PTS. TrÇn V"n DiÖn, PGS. PTS. T« CÈm Tó	NXBNN,1995	Di truyÒn
19	Thøc "n vù dinh d-îng gia sóc	in	PGS. TS. Tõ Quang HiÖn, TS. Phan §×nh Th¾m	NXBNN,2002	Thøc "n gia sóc
20	Ph--ng ph,p nghiªn cøu trong ch"n nu«i	in	GS. TS. NguyÖn V"n ThiÖn, PGS. TS. NguyÖn Kh, nh Qu¾c, TS. NguyÖn Duy Hoan	NXBNN,2002	BÖnh sinh s¶n
21	Kinh tÕ n«ng nghiÖp gia ®×nh n«ng tr¹i,	in	TrÇn V"n Hù, NguyÖn Kh, nh Qu¾c (1999	NXBNN,1999	Kinh tÕ n«ng hé TT

22	Truyền Giếng nhón t ¹ o vết nu ¹ i	in	ThS. Nguyễn Sóc Hing, ThS. Nguyễn Minh Huệ, TS. Trần Hu ^a Vi ^a n	NXBNN, 1997	Di truyền và giống vật nuôi
23	Công nghệ cấy truyền ph ¹ i b ¹	in	Hoàng Kim Giao, Nguyễn Thanh Dũng, S ¹ c Kim Tuấn, L ¹ u Công Khanh, L ^a Thế Thuý	NXBNN, 1997	
24	Ch ¹ n nu ¹ i lân h ¹ ng n ¹ c ã gia ãnh vụ trang tr ¹ i	in	Nguyễn Thi ¹ n, Ph ¹ m Sü L ¹ ng, Phan S ¹ ch L ¹ n, Hoàng V ¹ n Thi ¹ n, V ¹ a Tr ¹ ng H ¹ t	NXBNN, 2002	Ch ¹ n nu ¹ i lân
25	Giáo trình Sinh hóa học động vật	in	Trần Tố, Cù Thị Thúy Nga	NXBNN, 2008	Sinh hoá động vật
26	Sinh hóa học với cơ sở khoa học của công nghệ gen	in	Hoàng Văn Tiến, Lê Khắc Thiện, Lê Doãn Diên	NXBNN, 1997	Hóa sinh động vật
27	Hóa sinh động vật	in	Nguyễn Văn Kiệt, Nguyễn Văn Kính, Nguyễn Văn Mùi	NXBNN, 2005	
28	Giáo trình Hóa sinh động vật	in	Hồ Trung Thông, Lê Văn An	NXBNN, 2006	
29	Giáo trình Sinh hóa hiện đại	in	Nguyễn Tiến Thắng, Nguyễn Đình Huyền	NXBGD, 1998	
30	Công nghệ sinh học-Tập 1: Sinh học phân tử và tế bào - Cơ sở khoa học của công nghệ sinh học	Dịch	Nguyễn Như Hiền	NXBGD, 2007	
31	Công nghệ sinh học-Tập Ba: Enzyme và ứng dụng	in	- Phạm Thị Trân Châu, Phan Tuấn Nghĩa	NXBGD, 2007	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi thú y
32	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống	in	-Chu Thị Thơm, Phan Thị Lài, Nguyễn Văn Tó	NXBLĐ, 2007	
33	Công nghệ sinh học trên người và động vật	in	-Phan Kim Ngọc, Phạm Văn Phúc	NXBGD, 2007	

34	Công nghệ sinh học nông nghiệp	in	- Nguyễn Quang Thạch, Nguyễn Thị Lý Anh	ĐH sư phạm, 2007	
35	Công nghệ sinh học-Tập Năm: Công nghệ vi sinh và môi trường	in	-Phạm Văn Ty, Vũ Nguyên Thành	NXBGD, 2007	
36	Công nghệ sinh học-Tập Bốn : Công nghệ di truyền	in	-Trịnh Đình Đạt	NXBGD, 2008	
37	Công nghệ sinh học-Tập Hai: Công nghệ sinh học tế bào	in	-Nguyễn Văn Vụ, Nguyễn Mộng Hùng, Lê Hồng Điệp	NXBGD, 2008	
38	Di truyền chọn giống động vật	in	-Trần Đình Miên, Phan Cự Nhân, Nguyễn Văn Thiện, Trịnh Đình Đạt	NXBNN, 1994	Di truyền động vật
39	Giáo trình chọn lọc và nhân giống vật nuôi	in	Đặng Vũ Bình	NXBNN, 1998	
40	Di truyền học số lượng và nhân giống vật nuôi	in	Đặng Vũ Bình	NXBNN, 2000	
41	Giáo trình sinh học tế bào	in	Nguyễn Như Hiến	NXBGD, 2006	
42	Công nghệ sinh học-Tập1: Sinh học phân tử và tế bào - Cơ sở khoa học của công nghệ sinh học	in	Nguyễn Như Hiến	NXBGD, 2007	
43	Công nghệ sinh học-Tập Bốn : Công nghệ di truyền	in	-Trịnh Đình Đạt	NXBGD, 2008	
44	Công nghệ sinh học-Tập Hai: Công nghệ sinh học tế bào	in	-Nguyễn Văn Vụ, Nguyễn Mộng Hùng, Lê Hồng Điệp	NXBGD, 2008	
45	1. Giống vật nuôi	in	Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Khánh Quắc	NXBNN, 1997	Giống vật nuôi
46	2. Di truyền số lượng và chọn giống vật nuôi (GT Cao học)	in	Đặng Vũ Bình	NXBNN, 2001	
47	4. Di truyền học	in	Phạm Thành Hồ	NXBGD, 2002	
48	8. Genetica osnovami selectsii (tiếng Nga): Di truyền học với cơ sở chọn giống)	in	S. G. Inge- Vechotomov	Matxcova, 1989	
49	10. Introduction To Animal Breeding. In partner ship with	in	V. Etienne, Duc Nguyen Van	Paris – Grignon, 2004	

	the Institut National Agronomique				
50	11. Gen Cloning an Introduction	in	T. A. Brown	Chapman & Hall, 1995	
51	Công Nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp	in	Từ Quang Hiến, Trần Thanh Vân, Trần Văn Phùng, Nguyễn Văn Bình, Từ Trung Kiên	NXBNN, 2012	Công Nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp
52	Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi	in	Từ Quang Hiến, Trần Thanh Vân, Trần Văn Phùng, Từ Trung Kiên	NXBNN, 2012	Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi

4.4. Hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế liên quan đến chuyên ngành đào tạo

Bảng 4. Đề tài khoa học, chuyển giao công nghệ, công trình công bố, hợp tác quốc tế thuộc chuyên ngành đào tạo

Nội dung	2008	2009	2010	2011	2012
1. Số đề tài khoa học cấp Nhà nước do CSĐT chủ trì			1	1	
2. Số đề tài khoa học cấp Bộ/tỉnh do CSĐT chủ trì	1	8	7	2	3
3. Tổng số công trình công bố trong năm:	23				
Trong đó: 3.1. Ở trong nước	2	36	27	17	5
3.2. Ở nước ngoài					
4. Số hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế liên quan đến chuyên ngành đã tổ chức	1	1	2	1	1
5. Số dự án, chương trình hợp tác đào tạo chuyên ngành thạc sĩ với các đối tác nước ngoài	-	-	-	-	-
6. Số giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia đào tạo thạc sĩ với CSĐT nước ngoài	--	-	-	-	-
7. Số giảng viên của CSĐT nước ngoài tham gia đào tạo	-	-	-	-	-

chuyên ngành thạc sĩ					
----------------------	--	--	--	--	--

Các minh chứng cho bảng 4 (tập trung vào các đề tài từ năm 2008-2018)

Nội dung 1, 2: Chỉ ghi vào cột năm bắt đầu thực hiện số đề tài khoa học khi có cán bộ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia thực hiện, kèm theo bảng danh mục sau:

TT	Tên, mã số đề tài, công trình chuyên giao công nghệ	Cấp chủ quản (NN, Bộ/tỉnh)	Người chủ trì	Người tham gia	Thời gian thực hiện (năm bắt đầu, kết thúc)	Năm nghiệm thu	Tổng kinh phí (trđ)
1.	Khai thác nguồn gen Ngựa Bạch Việt Nam	Cấp nhà nước	Nguyễn Quang Tuyên		2010	2011	700
2.	Khai thác và phát triển nguồn gen giống bò H'mông	Cấp nhà nước	Trần Huê Viên		2011	2015	
3.	B2008-TN03-01. Nghiên cứu sử dụng một số giống cỏ hòa thảo nhập nội (p.astratum, b.brizantha 6378 và b.decumben...) nuôi bò thịt.	Đề tài cấp bộ	Từ Trung Kiên		2008	2009	80
4.	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có mức protein hợp lý được cân đối các axit amin thiết yếu góp phần phát triển chăn nuôi lợn tập trung	Đề tài cấp bộ	Trần Văn Phùng		2009	2010	700
5.	B2009 –TN03-13 Xây dựng vùng chăn nuôi gia cầm an toàn cho một số xã phía Tây thành phố Thái Nguyên và đề xuất giải pháp	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Thị Thúy My		2009	2010	60

	cho các khu đô thị						
6.	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp sát trùng và kích thích trứng trong thời gian bảo quản đến kết quả ấp nở của trứng gà. B2009 –TN03-06	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Thị Thanh Bình		2009	2010	60
7.	Nghiên cứu tác động của enzym phytase đến khả năng sản xuất của gà thịt và xác định tỷ lệ bổ sung thích hợp”B2009 –TN03-33	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Thu Quyên		2009	2010	50
8.	B2009-TN01-04 Nghiên cứu thành phần hóa học của các loại cây thức ăn gia súc, gia cầm trồng tại khu vực trung du, miền núi phía bắc Việt Nam.	Đề tài cấp bộ	Trần Văn Phùng		2009	2010	195
9.	B2010-TN02-02Nghiên cứu sử dụng bột lá sắn trong chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng	Đề tài cấp bộ	Mai Anh Khoa		2010	2011	28
10.	B2010-TN02-16 Nghiên cứu sử dụng một số công thức thức ăn ủ chua từ sản phẩm củ và lá sắn với cỏ stylo trong chăn nuôi lợn thịt tại nông hộ	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Hưng Quang		2010	2011	18
11.	Nghiên cứu trồng sắn theo các phương thức khác nhau, ảnh hưởng của liều lượng phân đạm đến năng suất và chất lượng lá sắn của phương thức trồng sắn lấy lá sắn và phương pháp chế biến lá sắn	Đề tài cấp bộ	Trần Thị Hoan		2009	2010	80

	tại trường Đại học Thái Nguyên						
12.	Nghiên cứu trồng, chế biến và sử dụng bột cỏ <i>Stylosanthes guianensis</i> CIAT 184 trong chăn nuôi gà thịt tại Thái Nguyên	Đề tài cấp bộ	Hồ Thị Bích Ngọc		2010	2011	50
13.	Nghiên cứu xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng trâu, bò chết hàng loạt trong vụ đông xuân tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Hưng Quang		2012	2013	50
14.	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng selen khác nhau trong thức ăn đến khả năng sinh sản của lợn nái, sản xuất của lợn thịt và sự tồn dư selen trong sản phẩm thịt lợn tại Thái Nguyên .ĐH 2011 - 03 - 01	Cấp Đại học	Phạm Thị Hiền Lương		2011	2012	30
15.	Quy trình nuôi lợn thương phẩm trong bể tại Thái Nguyên. T2009-22	Cấp cơ sở	Lê Minh Châu		2009	2010	
16.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc thay thế một số tỷ lệ dầu đậu tương trong khẩu phần đến năng suất sinh sản của lợn nái nuôi con, sinh trưởng của lợn con bú sữa và sau cai sữa giống ngoại trong điều kiện mùa hè. T2009-23	Cấp cơ sở	Trần Huê Viên		2009	2010	
17.	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn rừng sinh sản và	Cấp cơ sở	Nguyễn Hưng Quang		2009	2010	

	bước đầu đánh giá đặc điểm sinh lý, sinh sản và khả năng sản xuất của chúng.T2009-24						
18.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cách thức và thời gian chiếu sáng ban đêm tới khả năng sản xuất của gà broiler nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên, T2010 – 51	Cấp cơ sở	Trần Thanh Vân		2010	2011	
19.	Khảo sát chất lượng thịt, trứng của gà Mèo nuôi tại Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái.T2010 – 52	Cấp cơ sở	Nguyễn Hữu Hòa		2010	2011	
20.	Nghiên cứu sức sản xuất của lợn nái lai F1(Đực rừng Thái Lan x Nái nội địa phương Pắc Nặm - Bắc Kạn) T2010 - 53	Cấp cơ sở	Hà Thị Hào		2010	2011	
21.	Nghiên cứu Đánh giá hiệu quả sản xuất của công thức lai 3 máu : trống Mía x mái (Lương phượng x Sasso)T2011- 42	Cấp cơ sở	Nguyễn Thị Thuý My		2011	2012	
22.	Hiệu quả của chế phẩm vi men khoáng cao cấp đối với khả năng sinh trưởng và phòng chống bệnh đường tiêu hóa trên đàn lợn nuôi tại TT thực hành thực nghiệm, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, T2012 - 91	Cấp cơ sở	Nguyễn Tiến Đạt		2012	2013	
23.	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của mật độ ương nuôi cá rô phi trong quá trình xử lý	Cấp cơ sở	Đoàn Quốc Khánh		2012	2013	

	chuyển đổi giới tính đực 21 ngày tuổi đến khả năng nhiễm bệnh trùng bánh xe và biện pháp phòng trị tại trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thủy sản vùng Đông Bắc – trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. T2012 – 92						
24.	DH2012-TN03-12: Nghiên cứu xác định một số yếu tố gây bệnh của vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> trong bệnh tụ huyết trùng trâu, bò tại Hà Giang, Cao Bằng và lựa chọn vắc xin phòng bệnh.	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Phạm Thị Phương Lan	2012		50
25.	DH2012-TN03-13: Nghiên cứu bệnh đơn bào đường máu <i>Leucocytozoon</i> ở đàn gà của tỉnh Thái Nguyên và biện pháp phòng trị	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Nguyễn Thị Kim Lan	2012		50
26.	DH2012-TN10-01: Nghiên cứu đa hình kiểu gen EDNRB quy định màu lông trắng của ngựa ở khu vực miền núi Đông Bắc Việt Nam	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Nguyễn Văn Nơi	2012		57
27.	DH2012-TN10-02: Phân lập, tuyển chọn một số chủng <i>Lactobacillus</i> có khả năng sinh axit lactic cao từ các sản phẩm lên men trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để sản xuất sản phẩm chế phẩm	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Nguyễn Mạnh Tuấn	2012		64

	sinh học (probiotics) sử dụng cho vật nuôi.						
28.	DH2012-TN10-05: Nghiên cứu sử dụng thiết bị sắc ký lỏng HPLC 1200 để phân tích hàm lượng aflatoxin trong một số loại nông sản thực phẩm	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Nguyễn Thị Hải	2012		43
29.	DH2012-TN10-04: Nghiên cứu ảnh hưởng mức protein và năng lượng trong khẩu phần ăn đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của lợn rừng lai tại Thái Nguyên	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Bùi Thị Thơm	2012		50
30.	T2012-89: Xác định giá trị năng lượng trao đổi của bột lá sắn có hiệu chỉnh theo lượng ni tơ được tích lũy trong cơ thể gà và tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng trong bột lá sắn	Cấp cơ sở	Từ Trung Kiên	Trần Thị Hoan	2012	2013	5

Nội dung 3: Chỉ ghi số công trình công bố (bài báo khoa học) có cán bộ khoa học hoặc học viên cao học thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia thực hiện, đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, kèm theo bảng danh mục sau:

TT	Tên bài báo	Các tác giả	Tên tạp chí, nước	Số phát hành (tháng, năm)	Website (nếu có)
1.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và năng suất một số giống cỏ hòa thảo tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	2009	
2.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ P.atratum trồng tại	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi	2009	

	Thái Nguyên				
3.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Brachiaria brizantha</i> 6387 trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2009	
4.	Ảnh hưởng của phân N.P.K đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Brachiaria decumbens</i> basilisk trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi	2010	
5.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Paspalum atratum</i> trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
6.	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách cắt khác nhau đến khả năng thu nhận, tỷ lệ cỏ được sử dụng và tỷ lệ tiêu hóa của một số giống cỏ hòa thảo nhập nội (<i>P. atratum</i> , <i>B. brizantha</i> , <i>B. decumbens</i>) trên bò thịt	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
7.	Đánh giá hiệu quả của cỏ <i>P. atratum</i> , <i>B. brizantha</i> , <i>B. decumbens</i> tươi đến sinh trưởng của bò thịt	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
8.	Nghiên cứu khoảng cách trồng sắn lấy lá đến sản lượng lá sắn và giá thành của bột lá sắn	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
9.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức phân đạm đến sản lượng và chất lượng lá sắn	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	
10.	Ảnh hưởng của các phương pháp chế biến đến thời gian phơi, sấy và thành phần hóa học của bột lá sắn	Từ Quang Hiển và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	

11.	Ảnh hưởng của các tỷ lệ bột lá sắn khác nhau trong thức ăn hỗn hợp đến khả năng sản xuất của gà thịt Lương Phượng	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2012	
12.	Ảnh hưởng của các cách thức chế biến đến thời gian phơi, sấy và thành phần hóa học của bột lá sắn	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2012	
13.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ <i>Brachiaria decumbens</i> Basilisk trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2012	
14.	Xác định khoảng cách cắt thích hợp cho cỏ <i>B. decumbens</i> Basilisk trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i> 104 (04)	2013	
15.	Xác định giá trị năng lượng trao đổi của bột lá sắn có hiệu chỉnh theo lượng nitơ của thức ăn tích lũy trong cơ thể gà	Từ Quang Hiến và CS	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i> Tập 118, số 4,	2014	
16.	Effect of different levels of cassava leaf meal in the diet on productivity and quality of luongphuong hen eggs	Từ Quang Hiến và CS	<i>JOURNAL OF ANIMAL SCIENCE, volume LI, Sofia</i>	1-2/2014	
17.	Effect of cassava leaf, leucaena leaf and stylo grass meal in the diet containing the same level of energy and protein on egg performance and quality of luong phuong laying hens	Từ Quang Hiến và CS	<i>JOURNAL OF ANIMAL SCIENCE, volume LI, Sofia</i>	1-2/2014	
18.	Relation between carotenoid content in egg yolk and hatching egg quality according to the time laying hens are fed diet containing leaf meal	Từ Quang Hiến và CS	Bulgarian Journal of Agricultural Science, 2016, 92	2016	

19.	Nghiên cứu khả năng sản xuất chất xanh và bột lá của sản trồng thu lá của tỉnh Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, số 214, 2016, 52	2016	
20.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cách phối hợp bột lá keo giậu vào khẩu phần ăn đến năng suất và chất lượng trứng của gà đẻ bố mẹ giống Lương Phượng	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam – Bộ Khoa học & Công nghệ, Tập 13, số 2/2017.	2017	
21.	Tình hình sản xuất ngành chăn nuôi và hướng phát triển trong tương lai	Từ Quang Hiến và CS	Kỷ yếu, Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi – Thú y.	2017	
22.	Trao đổi về sử dụng gạo lức thay thế cho ngô, lúa mỳ trong khẩu phần ăn của vật nuôi	Từ Quang Hiến và CS	Kỷ yếu, Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi – Thú y. Cần Thơ, tháng 3/2017.	2017	
23.	The effect of some leaf meal kinds as a supplement in the basal diet on Luong Phuong broiler performance	Từ Quang Hiến et al	Bulgarian journal of agricultural science, 23/4/2017 (Scopus).	2017	
24.	Determination of the metabolic energy value of some leaf meal kinds on Luong Phuong broiler chicken	Từ Quang Hiến et al	Proceeding of international scientific conference: “Animal science - challenges and innovations”, 1 - 3/11/2017, Bungaria.	2017	
25.	Nutrient digestibility determination of Cassava, Leucaena, Stylosanthes, Moringa and Trichanthera leaf meals in chickens	Từ Quang Hiến et al	Bulgarian journal of agricultural science, 23/3/2017 (Scopus).	2018	
26.	Comparison on the effects of several leaf meal kinds included in diets of laying	Từ Quang Hiến et al	Journal of Animal Science, Bulgari, tập 24, Số 2, 2018	2018	

	hens on egg yield and quality.				
27.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ lysine và năng lượng trao đổi của thức ăn có các mức protein khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn. Số 2	2008	
28.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein và năng lượng trao đổi trên nền thức ăn có mức axit amin khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên. Số 1 (45) tập 1	2008	
29.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu ở mức cao đến sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí Chăn nuôi – Hội chăn nuôi Việt Nam; Số 4 (110)	2008	
30.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc giảm protein tổng số trên cơ sở cân đối ở mức thấp một số axit amin thiết yếu trong thức ăn hỗn hợp đến khả năng sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi – Hội chăn nuôi Việt Nam. Số 4 (110)	2008	
31.	Khả năng sản xuất của một số dòng lợn đực lai tại tỉnh Bắc Giang	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi. Số 10 (116)	2008	
32.	Khả năng tiêu hóa của lợn ngoại thương phẩm sau cai sữa nuôi bằng khẩu phần có mức protein thấp được cân đối axit amin và bổ sung men tiêu hóa	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi. Số 3 (121)	2009	
33.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các tỷ lệ protein khác nhau với mức 10 g lysine/kg thức ăn đến sinh trưởng và cho thịt của lợn ngoại	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ - Đại học Thái Nguyên. Tập 051, số 3,	2009	

	lai giai đoạn 18-50 kg		ISSN 1859-2171		
34.	Ảnh hưởng của việc giảm mức protein thô trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của lợn ngoại thương phẩm nuôi thịt	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 13	2010	
35.	Tồn dư kháng sinh trên thịt lợn và kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn sinh học của người chăn nuôi lợn tại tỉnh Thái Nguyên	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí dinh dưỡng & thực phẩm, Tập 6, số 3+4; ISN 1859-0381	2010	
36.	Kiến thức, thái độ thực hành của người chăn nuôi lợn và một số kết quả phân tích tồn dư kháng sinh trên thịt lợn tại tỉnh Thái Nguyên	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí y học thực hành, số 6 (722); ISSN 1859-1663	2010	
37.	Kết quả nghiên cứu hàm lượng caroten và vitamin C của một số nhóm thức ăn thô xanh khu vực miền núi phía Bắc	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	
38.	Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có tỷ lệ protein hợp lý được cân đối một số axit amin thiết yếu góp phần phát triển chăn nuôi lợn tập trung và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi; Số tháng 10	2012	
39.	Nghiên cứu đa hình kiểu gene endothelin-breceptor (EDNRB) quy định màu lông trắng của ngựa ở khu miền núi Đông Bắc Việt Nam,	Nguyễn Văn Nôi, Trần Văn Phùng, Trần Xuân Hoàn	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 5/2013, Tr. 151-154.	2013	
40.	Ảnh hưởng của enzym tiêu hóa trong khẩu phần có mức chất xơ khác nhau đến sinh	Trần Văn Phùng, Cù Thị Thúy Nga, Trần Tô	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 5/2013, Tr. 168-172.	2013	

	trưởng của lợn con giai đoạn sau cai sữa,				
41.	Ảnh hưởng của probiotic đến sinh trưởng của lợn con sau cai sữa,	Cù Thị Thúy Nga, Trần Văn Phùng, Trần Tổ, Nguyễn Thị Minh Thuận	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 6[171], Tr. 16-22.	2013	
42.	Ảnh hưởng của độ dày mỡ lưng đến năng suất sinh sản của lợn nái trong chăn nuôi tập trung,	Trần Văn Phùng, Đặng Văn Nghiệp, Bùi Thị Thơm	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, Tập 118 số 04, Tr. 55-60.	2014	
43.	Ảnh hưởng của đa hình gen prolactin và properdin đến chỉ tiêu số lợn con đẻ trên lứa của lợn nái lai F1 (Đực rừng x nái địa phương Pác Nặm),	Trần Văn Phùng, Bùi Thị Thơm, Dương Thị Khuyên	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 11/2015, Tr. 129-135.	2015	
44.	Creating Sustainable Livelihood for Ethnic People Living in Mountainous Areas by Raising Native pigs, Proceedings of the International conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change (LDEM),	Tran Van Phung, Nguyen Van Hien, Duong Thi Khuyen, Bui Thi Thom	Agriculture Publishing House, ISBN 978-604-60-2164-3, p. 416-423.	2015	
45.	Khả năng sinh sản của lợn nái lai giữa lợn đực rừng Việt Nam và lợn nái VCN-MS15 nuôi tại Thái Nguyên,.	Trần Văn Phùng, Đào Thị Hồng Chiêm, Bùi Thị Thơm	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 24/2016, tr. 103-108	2016	
46.	Ảnh hưởng của hỗn hợp vi khuẩn Probiotic đến tỷ lệ tiêu hóa ở lợn con giai đoạn sau cai sữa.	Trần Văn Phùng, Nguyễn Thị Minh Thuận, Cù Thị Thúy Nga.	Tạp chí KHKT Chăn nuôi,	2018	
47.	Số lượng, sự phân bố của dê địa phương Định Hóa - Thái Nguyên	Trần Văn Phùng, Nguyễn Thị Minh	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2018	

		Thuận, Nguyễn Thị Duyên			
48.	Comparison of reproduction of Khakicampbell, Triet Giang and crossed breed F1 (Khakicampbell female x Triet Giang drake) raising in the garden of Thai Nguyen	Trần Thanh Vân và CS	Proceeding the 13th Animal science congress of the Asian-Australasian association of animal production societies	2008	
49.	Behavior, adopted, growth, maturity, reproduction and meat production capacity of Guinea fowl L strain keeping at Thai Nguyen city	Trần Thanh Vân và CS	Proceeding the 13th Animal science congress of the Asian-Australasian association of animal production societies	2008	
50.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mùa vụ và phương thức nuôi tới khả năng sinh trưởng và cho thịt của gà thương phẩm Sasso	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
51.	Nghiên cứu khả năng sản xuất thịt của gà F1 (trống Mèo x mái Ai Cập) và F1 (trống Mèo x mái Lương Phượng) nuôi bán chăn thả tại Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
52.	Khả năng sản xuất của gà thương phẩm Sasso Việt Nam nuôi tại Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2009	
53.	Một số chỉ tiêu về thành phần thân thịt và chất lượng thịt gà Sasso Việt Nam nuôi tại Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2009	
54.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Sasso ông bà được chọn tạo tại Việt Nam	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
55.	Ảnh hưởng của tỷ lệ protein thức ăn với tỷ lệ protein và axit amin của thịt ngan Pháp	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
56.	Tương quan protein trong khẩu phần ăn và tỷ lệ protein của huyết thanh, gan và thịt ngan Pháp	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	

57.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà bố mẹ Sasso được chọn tạo tại Việt Nam	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hoá thức ăn của ngan Pháp thương phẩm	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
58.	Ảnh hưởng của chế độ chiếu sáng đến sức sản xuất của gà broiler nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
59.	Ảnh hưởng giữa mức năng lượng, protein trong thức ăn đến tỷ lệ mỡ bụng, tỷ lệ lipit trong thịt và gan ngan pháp nuôi bán chăn thả	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
60.	Nghiên cứu ảnh hưởng của giống, mật độ bãi thả đến khả năng sản xuất thịt của gà bán nuôi nhốt ở nông hộ	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
61.	Thực trạng chăn nuôi gà tại năm xã phía tây thành phố Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
62.	Proposal for development of master acedemic program of Thai Nguyen university	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
63.	Ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase vào khẩu phần đến một số chỉ tiêu sản xuất của gà broiler	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
64.	Ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase trong khẩu phần ăn đến hiệu quả sử dụng can xi, photpho và khả năng sinh trưởng của gà broiler	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
65.	Ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase trong khẩu phần thức ăn cho gà thịt đến khả năng tiêu hoá canxi, photpho và khoáng hoá xương	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	

66.	Nghiên cứu khả năng sản xuất, chất lượng thịt của gà Mèo nuôi tại Quảng Yên, Quảng Ninh	Trần Thanh Vân, Nguyễn Tiến Hưng, Nguyễn Thị Thúy My	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 123 (09), ISSN: 1859-2171, tr. 67-76.	2014	
67.	Ảnh hưởng của phytaza trong khẩu phần có các mức Ca, P khác nhau đến sinh trưởng, tiêu tốn thức ăn và tiêu hoá canxi, photpho của gà broiler	Trần Thanh Vân và cs	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 101(01), ISSN: 1859-2171, tr. 39-46;	2013	
68.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase vào khẩu phần ăn đến khả năng sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường của gà broiler	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Nguyễn Thu Quyên, Nguyễn Thị Thúy My	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 4/2015, tr. 265-271, ISBN: 978-604-60-2019-6.	2015	
69.	"Nghiên cứu xác định mức lizin/ME, protein và axit amin thích hợp trong khẩu phần chăn nuôi gà F ₁ (RI x Lương Phượng)	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Nguyễn Thu Quyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 17/2015, tr. 94-99.	2015	
70.	Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Lạc Thủy-Hòa Bình	Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn, Nguyễn Thị Thúy My	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 4/2015, tr. 195-200, ISBN: 978-604-60-2019-6.	2015	
71.	The effect of replacement corn by brown rice on performance of chicken production	Mai Thanh Vu, Van Thanh Tran, My Thi Thuy Nguyen, Van Cao, Tuan Ngoc Minh Nguyen	Proceedings the 9 th Vietnames-Hungarian International, Research for developing sustainable agriculture., pp. 99-102.	2016	
72.	Ảnh hưởng của tỷ lệ (methionine +cystin)/lysine trong khẩu phần đến sức sản xuất thịt của gà Ri lai nuôi trong vụ hè thu và đông xuân	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Nguyễn Thu	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 153 (08), 8/2016, ISSN: 1859-2171, tr. 23-	2016	

		Quyên, phạm Văn Toàn	28.		
73.	Khả năng sử dụng gạo lật thay thế ngô trong khâu phần chăn nuôi gà F1 (Ri x Lương Phượng)	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Nguyễn Thu Quyên	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, kỳ 2 - tháng 10, tr. 97 - 102.	2016	
74.	Khả năng sản xuất thịt của gà F1 (Ri x Lương Phượng) nuôi theo mức dinh dưỡng mới khuyến cáo trong điều kiện sản xuất nông hộ	Trần Thanh Vân, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Trần Quốc Việt, Nguyễn Thu Quyên	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 161 (01), ISSN: 1859-2171, tr. 17-23.	2017	
75.	Kỹ thuật chăn nuôi trâu. Chủ trì	Trần Văn Tường	Diễn đàn khuyến nông và CN	2008	
76.	Ảnh hưởng của bổ sung dầu Đậu tương vào thức ăn đến năng suất sinh sản của lợn nái nuôi con giống ngoại trong điều kiện mùa hè	Trần Huê Viên và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐH Thái Nguyên	2010	
77.	Kết quả bước đầu đánh giá một số chỉ tiêu sinh sản và hiệu quả thụ thai bằng tinh đông viên của bò H'mông được chọn lọc nuôi tại Hà Giang	Trần Huê Viên và Nguyễn Hưng Quang	Hội thảo sinh sản vật nuôi lần 1 – VNUS 2017	2017	
78.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin C trong khẩu phần đến khả năng sinh trưởng và chống stress nhiệt trong mùa hè của lợn ngoại từ 60 – 120 ngày tuổi	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2008	
79.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu ở mức cao đến sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50kg	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2008	
80.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các tỷ lệ protein khác nhau với mức 10 g Lysine/kg thức ăn đến sinh trưởng và cho thịt của lợn ngoại	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2009	

	giai đoạn 18-50kg				
81.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ Paspalum Atratum trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2009	
82.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng của cỏ Brachiaria decumbens basilisk trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2009	
83.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng của cỏ Brachiaria Brizantha trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2009	
84.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng cỏ Brachiaria brizantha 6387 trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2009	
85.	Ảnh hưởng của phân bón đến năng suất và chất lượng của cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2010	
86.	Ảnh hưởng của tỷ lệ bột cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184 khác nhau trong khẩu phần đến năng suất và chất lượng của gà thịt	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi	2011	
87.	Tiêu hoá, hấp thu và giá trị dinh dưỡng của bột cỏ cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184 trong khẩu phần ăn của gà thịt Lương Phượng	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2011	
88.	Ảnh hưởng của tỷ lệ bột cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184 khác nhau trong khẩu phần đến chất lượng trứng của gà đẻ Lương Phượng	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	2012	
89.	Ảnh hưởng của chế phẩm sinh học Pharselenzym đến khả năng sản xuất của lợn nái ngoại	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2012	

90.	Xác định mức độ tồn dư một số loại kháng sinh trong thịt và cơ quan nội tạng của lợn nuôi tại tỉnh T. Nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
91.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng khác nhau trong khẩu phần đến chất lượng các loại axit béo trong trứng gà đẻ.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
92.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của giống gà Hồ Bắc Ninh	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
93.	Mối quan hệ giữa mức năng lượng trong khẩu phần với các chỉ tiêu trao đổi lipid trong cơ thể gà đẻ	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
94.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng cho thịt và sinh sản của giống vịt Bầu Bền Hòa bình	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chuyên đề giống cây trồng vật nuôi	2009	
95.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của 2 giống ong mật Apis Cerana và Apis Mellifera nuôi ở miền Bắc Việt nam	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2010	
96.	Nghiên cứu sự suy giảm một số chất dinh dưỡng trong quá trình bảo quản thịt gia cầm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2010	
97.	Nghiên cứu lượng kháng sinh trong thịt, gan và trứng gà lưu thông trên thị trường tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2008	
98.	Khả năng sinh sản của gà Mèo và con lai của chúng với gà Ri	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2008	
99.	Một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Mèo và con lai của chúng với gà Ri	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2008	
100.	Khả năng sinh trưởng, phát dục của gà hậu bị Grimaud nhập từ Pháp	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2009	
101.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả chuyên hóa thức ăn của ngan Pháp thương phẩm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	

102.	Khả năng sản xuất của 2 dòng ngan Pháp R51 và R71 nuôi tại các nông hộ của tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	
103.	Ảnh hưởng giữa mức năng lượng, protein trong thức ăn đến tỷ lệ mỡ bụng, tỷ lệ lipid trong thịt và gan của ngan Pháp nuôi bán chăn thả	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	
104.	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh sản của ong chúa Apis cerana nuôi tại Thái nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	
105.	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố tự nhiên đến tỷ lệ nước trong mật ong nội APIS CERANA tại TP.TN	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí KHCVN, Đại học Thái Nguyên	2008	
106.	Đánh giá thực trạng cán bộ Nông lâm nghiệp của tỉnh Tuyên Quang nhằm định hướng cho công tác đào tạo trong giai đoạn 2008 - 2015	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học, ĐH Thái Nguyên	2008	
107.	Nghiên cứu sử dụng hệ vi sinh vật hữu ích (Effective Microorganisms-EM) trong chăn nuôi gà thịt tại Thái nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Kỷ yếu hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc năm 2009	2009	
108.	Nghiên cứu xác định hàm lượng kháng sinh, hormone trong một số loại thức ăn và chế phẩm sinh học dùng cho chăn nuôi có thị phần lớn tại Thái nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2009	
109.	Nghiên cứu ứng dụng dung dịch điện hoạt hóa trong chăn nuôi gà để nhằm cải thiện môi trường và nâng cao hiệu quả ấp nở.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2009	
110.	Nghiên cứu một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng thịt gà Ri và gà Ấc nuôi tại Thái Nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2009	
111.	Nghiên cứu mối quan hệ giữa một số thành phần lý hóa học trong thịt với chất lượng cảm quan thịt gia cầm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2010	
112.	So sánh hàm lượng, thành phần lipid và các loại axit béo trong thịt một số loại gia cầm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2010	

113.	Ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường bảo quản đến hàm lượng nước liên kết trong thịt gà.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2010	
114.	Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển đàn trâu tại Thái Nguyên	Dương Mạnh Hùng và CS	Tạp trí NN & PTNT	2008	
115.	Ảnh hưởng của kỹ thuật cân bằng hai bước và kỹ thuật giải đông tới chất lượng tinh dịch lợn đông lạnh	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2010	
116.	Kết quả bước đầu nghiên cứu đông lạnh phối bò bằng phương pháp thủy tinh thể	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2008	
117.	Tình hình sinh sản của lợn Móng Cái nuôi tại khu vực miền núi phía Bắc và ứng dụng kích dục tố huyết thanh ngựa chữa kích thích động dục đối với lợn	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2008	
118.	Sử dụng kỹ thuật EIA chẩn đoán nguyên nhân chậm sinh ở bò sữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2009	
119.	Tình hình sinh sản của bò cái lai Sind và bò vàng địa phương nuôi tại một số khu vực của vùng trung du miền núi phía Bắc và biện pháp nâng cao khả năng sinh sản của bò bằng kích dục tố huyết thanh ngựa chữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2009	
120.	Xác định thời gian khai thác huyết thanh ngựa chữa thích hợp nhờ phương pháp định lượng hormone EIA	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2009	
121.	Ảnh hưởng của giai đoạn tuổi và thời gian cai sữa khác nhau tới hiệu quả gây động dục đối với lợn bằng kích dục tố huyết thanh ngựa chữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2010	
122.	Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường ly tâm và chế độ ly tâm tới sức sống của tinh trùng trong kỹ thuật đông lạnh tinh dịch lợn	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2010	
123.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mùa vụ và phương thức nuôi tới khả năng sinh trưởng và cho thịt của gà thương phẩm Sasso	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	

124.	Nghiên cứu khả năng sản xuất thịt của gà F1 (trồng Mèo x mái Ai Cập) và F1 (trồng Mèo x mái Lương Phượng) nuôi bán chăn thả tại Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
125.	Ảnh hưởng của tỷ lệ protein thức ăn với tỷ lệ protein và axitamin của thịt ngan Pháp	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
126.	Tương quan protein trong khẩu phần ăn và tỷ lệ protein của huyết thanh, gan và thịt ngan Pháp	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
127.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hoá thức ăn của ngan Pháp thương phẩm	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
128.	Ảnh hưởng của chế độ chiếu sáng đến sức sản xuất của gà broiler nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
129.	Ảnh hưởng giữa mức năng lượng, protein trong thức ăn đến tỷ lệ mỡ bụng, tỷ lệ lipid trong thịt và gan ngan pháp nuôi bán chăn thả	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
130.	Nghiên cứu ảnh hưởng của giống, mật độ bãi thả đến khả năng sản xuất thịt của gà bán nuôi nhốt ở nông hộ	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
131.	Thực trạng chăn nuôi gà tại năm xã phía tây thành phố Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
132.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử dụng đệm lót vi sinh vật tới môi trường chuồng nuôi và hiệu quả chăn nuôi gà sinh sản bố mẹ	Nguyễn Thị Thúy My, Lương Văn Hiến, Trần Thanh Vân	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 4/2015, tr. 751-757, ISBN: 978-604-60-2019-6.	2015	
133.	The effect dietary energy density on body	My T. T. Nguyen, Hoan D. Nguyen, Van	Proceedings of the International Conference	2015	

	weight and muscle' chemical composition of france muscovyduck broiler, keeping to 84 days of age	T. Tran	on Livelihood development and Sustainable Environmental Management in the context of climate change, Agriculture Publishing House, ISBN: 978-604-60-2164-3, pp. 375-379.		
134.	Effectiveness of meat metabolizable energy level (ME) and crude protein levels (CP) the same ME/CP ration on performance of france muscovyduck broiler at 84 days of age,	Nguyen Thi Thuy My, Tran Thanh Van "	Journal of Science and Technology, Thai Nguyen University (134), N 04, ISSN: 1859-2171, pp. 97-104	2015	
135.	Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Mfeed+ đến sức sản xuất thịt của gà F1 (Ri x Lương Phượng) nuôi nhốt tại Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 164 (04), ISSN: 1859-2171, tr. 97-102	2017	
136.	Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm egg Stimulant và Selvie - WD vào nước uống đến chất lượng trứng của gà thương phẩm Isa Shaver	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 3/2017, tr. 246-253, ISBN: 978-604-60-2492-7.	2017	
137.	The effects of effective microorganism (EM) product on growth and prevention of diarrhea in piglets” .	Nguyễn Thị Liên	Proceedings- The 13 th Animal Science Congress of the Asian-Australasian Association of Animal Production Societies. Agricultural Publishing House- Sept . 2008	2008	

138.	The results of EM product supplementation into the drinking water on growth chicken raised in gaden” .	Nguyễn Thị Liên	Proceedings- The 13 th Animal Science Congress of the Asian-Australasian Association of Animal Production Societies. Agricultural Publishing House- Sept . 2008	2008	
139.	The abilities of reproduction and resistance for some common diseases of New Zealand rabbits raised in Thai Nguyen province	Nguyễn Thị Liên	Hội thảo Quốc tế về Chăn nuôi thỏ , Tháng 9-2009, Trung Quốc	2009	
140.	Kết quả ứng dụng chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu EM (Effective microorganisms) chăn nuôi gà tại tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Liên	Hội thảo khoa học Quốc tế, Trường Đại học Hoa Sen, TP Hồ Chí Minh	2010	
141.	Effect of weaning age on the growth performance of piglets and the fertility of sows in Viet Yen District, Bac Giang province.	Trương Hữu Dũng	Đại học Thái Nguyên	2011	
142.	Kỹ thuật nuôi lợn con từ sơ sinh đến 60 – 70 ngày tuổi.	Trương Hữu Dũng	NXBNN, Hà Nội	2011	
143.	Đánh giá khả năng sản xuất của 3 tổ hợp lợn đực lai cuối cùng giữa 3 giống Duroc, Pietrain và Landrace	Trương Hữu Dũng và cs	Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, (11)122-128;	2015	
144.	Đặc điểm ngoại hình và khả năng cho thịt của gà đa cựa nuôi tại Tân Sơn, Xuân Sơn Phú Thọ	Trương Hữu Dũng và cs	Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (5)90-94;	2015	
145.	Đánh giá khả năng sinh trưởng, tiêu tốn thức ăn của 3 tổ hợp lai thương phẩm (DP x CA), (PD x CA) và (LP x CA) giai đoạn sơ sinh đến 56 ngày tuổi	Trương Hữu Dũng, Phùng Đức Hoàn	Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, trang: 109-115, số 04, Tập 164 năm 2017.	2017	
146.	Khảo sát năng suất và chất lượng thịt	Trương Hữu Dũng và	Tạp chí KH&CN Đại học	2018	

	của 3 tổ hợp lai nuôi thịt (DP x CA), (PD x CA) và (LP x CA).	cs	Thái Nguyên, trang: 109-115, số 04, Tập 164 năm 2017.		
147.	Nghiên cứu hiệu quả của các phương thức trồng sắn khác nhau (lấy lá, lấy củ và lá, lấy lá) làm thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Văn Bình, Trần Trang Nhung,	Tạp chí Chăn nuôi Hội Chăn nuôi VN, 2008	2008	
148.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ lysine và năng lượng trao đổi của thức ăn có các mức protein khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg.	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn. 2008	2008	
149.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein và năng lượng trao đổi trên nền thức ăn có mức axit amin khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg.	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên. 2008.	2008	
150.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu ở mức cao đến sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50 kg.	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí Chăn nuôi – Hội chăn nuôi Việt Nam . 2008	2008	
151.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc giảm protein tổng số trên cơ sở cân đối ở mức thấp một số axit amin thiết yếu trong thức ăn hỗn hợp đến khả năng sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50 kg.	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí Chăn nuôi – Hội chăn nuôi Việt Nam. 2008.	2008	
152.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mức năng lượng trong khẩu phần ăn cho gà cầy cùm nuôi thịt tại Thái Nguyên	Bùi Thị Thơm, Trần Văn Phùng, Nguyễn Hưng Quang	Tạp chí KHCVN - ĐHTN	2017	
153.	Đặc điểm ngoại hình và tình hình chăn nuôi gà Cầy Cùm tại một số tỉnh khu vực miền núi phía Bắc	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 225, Tr. 20-24.	2017	
154.	Khả năng sinh trưởng và sức sản xuất thịt của gà Cầy Cùm (1 ngày tuổi – 24	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 225, Tr. 25-	2017	

	tuần tuổi) theo hai phương thức nuôi		29.		
155.	Phân tích tính đa dạng di truyền của gà Cáy Cùm bằng chỉ thị Microsatellite	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, tập 171, số 11, Tr. 21-25.	2017	
156.	Đặc điểm ngoại hình của lợn lang Đông Khê tại tỉnh Cao Bằng	Bùi Thị Thơm, Trần Văn Phùng và Dương Thị Khuyên,	Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi, số 239 tháng 12/2018, tr 7-11.	2018	
157.	Đánh giá sức sản xuất của tổ hợp lai giữa gà trống Cáy Cùm với gà mái F1 (Ri x Lương Phượng) nuôi tại Thái Nguyên	Bùi Thị Thơm và CS	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT tháng 12/2018	2018	
158.	Nghiên cứu ảnh của khoảng cách cắt khác nhau đến khả năng thu nhập, tỷ lệ cỏ được sử dụng và tỷ lệ tiêu hóa của một số giống cỏ hòa thảo nhập nội trên thịt bò	Trần Trang Nhung	Tạp chí KH&CN tập 67, số 5 năm 2010	2010	
159.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và năng suất một số giống cỏ hòa thảo tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiền và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	2009	
160.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ P.atratum trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiền và CS	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi	2009	
161.					
162.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ P.atratum trồng tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	2009	
163.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Brachiaria brizantha</i> 6387	Từ Trung Kiên, Phan Đình Thắm, Từ Quang	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi	Tập 2 số 12 [129]2009	

	trồng tại Thái Nguyên	Hiển, Trần Thị Hoan			
164.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Paspalum atratum</i> trồng tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên và CS	<i>Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi</i>	2010	
165.	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách cắt khác nhau đến khả năng thu nhận, tỷ lệ cỏ được sử dụng và tỷ lệ tiêu hóa của một số giống cỏ hòa thảo nhập nội (<i>P. atratum</i> , <i>B. brizantha</i> , <i>B. decumbens</i>) trên bò thịt	Từ Trung Kiên, Từ Quang Hiển, Trần Thị Hoan, Trần Trang Nhung	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i>	67 (5) 2010	
166.	Đánh giá hiệu quả của cỏ <i>P. atratum</i> , <i>B. brizantha</i> , <i>B. decumbens</i> tươi đến sinh trưởng của bò thịt	Từ Trung Kiên, Trần Thị Hoan	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i>	68 (6)/2010	
167.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ <i>Brachiaria decumbens</i> Basilisk trồng tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên, Trần Thị Hoan,	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i>	92 (04) 2012	
168.	Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm 528s đến khả năng sinh trưởng của gà thịt CP707	Từ Trung Kiên, Nguyễn Mạnh Tùng, Từ Quang Trung	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i>	97 (9) 2012	
169.	Mối quan hệ giữa khoảng cách cắt với sản lượng và chất lượng cỏ <i>P. atratum</i> trồng tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên và cs	<i>Tạp chí KHKT Chăn nuôi</i> 6 (171)	2013	
170.	So sánh ảnh hưởng của bột cỏ stylo và bột lá sắn trong khẩu phần ăn có cùng mức năng lượng, protein đến năng suất và chất lượng trứng của gà đẻ bố mẹ Lương Phượng	Từ Trung Kiên và cs	<i>Tạp chí KHKT Chăn nuôi</i> 8 (173)	2013	
171.	Ảnh hưởng của khoảng cách cắt đến năng suất và chất lượng cỏ <i>B. brizantha</i> 6387	Từ Trung Kiên và cs	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i>	2013	

	trồng tại Thái Nguyên		101 (01)		
172.	Ảnh hưởng của bột lá sắn và bột lá keo giậu trong khẩu phần có cùng mức năng lượng và protein đến khả năng sản xuất của gà thịt Lương Phượng	Từ Trung Kiên và cs	<i>Tạp chí KHKT Chăn nuôi</i> 10 (175)	2013	
173.	Nghiên cứu Ảnh hưởng của các mức bón phân N.P.K khác nhau đến sản lượng và chất lượng cỏ <i>Brachiaria brizantha</i> 6387 trồng tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên và cs	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i> 115 (01)	2014	
174.	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá sắn đến năng suất và chất lượng thịt chim cút Nhật Bản nuôi tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên và cs	KH & CN ĐH Thái Nguyên, 177 (01) 2018	2018	
175.	Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của nền đệm lót khác nhau tới khả năng sinh trườn của gà Móng nuôi tại Thái Nguyên	Từ Trung Kiên và cs	KH & CN ĐH Thái Nguyên, 180 (04) 2018	2018	
176.	Xác định mức bón đạm thích hợp cho cây thức ăn xanh <i>Trichathera gigantea</i> ở năm thứ nhất	Từ Trung Kiên và cs	KHKT Chăn nuôi, 236-9/2018	2018	
177.	Nghiên cứu hiệu quả của các phương thức trồng sắn khác nhau (lấy lá, lấy củ và lá, lấy lá) làm thức ăn chăn nuôi	Trần Thị Hoan và cs	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i> 97 (9)	2012	
178.	So sánh ảnh hưởng của bột lá keo giậu và bột cỏ Stylo trong khẩu phần ăn có cùng mức năng lượng và protein đến năng suất, chất lượng trứng của gà đẻ bố mẹ Lương Phượng	Trần Thị Hoan và cs	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2013	
179.	So sánh ảnh hưởng của bột lá keo giậu và bột cỏ Stylo trong khẩu phần ăn có cùng	Trần Thị Hoan và cs	Tạp chí Phát triển Nông	2014	

	mức năng lượng và protein đến năng suất, chất lượng trứng của gà đẻ bố mẹ Lương Phượng		thôn		
180.	ờng của cách thức phối hợp bột lá sắn vào khẩu phần đến khả năng sản xuất và chất lượng trứng của gà đẻ bố mẹ Lương Phượng	Trần Thị Hoan và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐHTN	2015	
181.	Nghiên cứu khả năng sản xuất chất xanh và bột lá cây keo giậu tại Thái Nguyên	Trần Thị Hoan và cs	Ký yếu hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi	2017	
182.	Khoảng cách cắt hợp lý đối với cây <i>Trichathera gigantean</i> ở năm thứ nhất	Trần Thị Hoan và cs	NN & PTNT 16/2018	2018	
183.	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát dục của bò Mông qua các giai đoạn từ sơ sinh đến 24 tháng tuổi tại Hà Giang	Trần Văn Thăng, Nguyễn Hưng Quang, Nguyễn Hữu Cường, Trần Huê Viên.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 6/2014, tr .74-82	2014	
184.	Đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Trần Văn Thăng, Mai Anh Khoa, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hưng Quang, Trần Huê Viên, Nguyễn Hữu Trà, Nguyễn Hữu Cường.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái nguyên, Tập 123, Số 9, tr. 113-118	2014	
185.	Ảnh hưởng của tỷ lệ tinh thô trong khẩu phần đến khả năng thu nhận và tiêu hóa thức ăn của nghé giai đoạn 6-12 tháng tuổi	Trần Văn Thăng, Nguyễn Văn Hải, Mai Anh Khoa, Trương Hữu Dũng, Nguyễn Văn Đại.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 11/2015, tr. 159-167	2015	
186.	Đánh giá năng suất chất xanh và sử dụng cỏ <i>Stylo CIAT 184</i> và <i>B. mulato II</i> trong chăn	Trần Văn Thăng, Nguyễn Hưng Quang,	Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi – Viện	2016	

	nuôi dê tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Trần Huê Viên.	Chăn nuôi, Số 60, tháng 2/2016, tr. 76-87		
187.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ tinh thô trong khẩu phần đến khả năng sinh trưởng của nghé cái giai đoạn 6-12 tháng tuổi	Trần Văn Thắng, Nguyễn Văn Hải, Mai Anh Khoa, Trương Hữu Dũng.	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 205, tháng 4/2016, tr. 78-85	2016	
188.	Đánh giá năng suất, chất lượng và khả năng sử dụng một số giống cỏ trong chăn nuôi bò tại Sơn La	Trần Văn Thắng, Nguyễn Hưng Quang, Mai Anh Khoa.	Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi – Viện Chăn nuôi, Số 62, tháng 4/2016, tr. 88-100	2016	
189.	Lai giống và đánh giá khả năng sinh trưởng của dê lai F ₁ (Đực Boer x Cái địa phương) tại Trung tâm giống cây trồng và vật nuôi Phó Bảng, Hà Giang	Trần Văn Thắng, Nguyễn Hữu Hòa, Hà Thị Hảo	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái nguyên, Tập 164, Số 4	2017	
190.	Xác định tỷ lệ tiêu hóa và giá trị năng lượng trao đổi của một số loại thức ăn phổ biến nuôi trâu bằng phương pháp in vivo và in vitro	Trần Văn Thắng và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, Tập 177, số 01, tr. 141-146	2018	
191.	Ảnh hưởng của bổ sung thức ăn ủ chua đến khả năng sinh trưởng của bò thịt	Trần Văn Thắng và cs	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, Viện Chăn nuôi, Tập 3, số 85, tr. 65-75	2018	
192.	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học milk feed đến năng suất sinh sản của lợn nái landrace giai đoạn từ ngày chữa thứ 84 đến cai sữa lợn con	Trần Văn Thắng và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, Tập 187, số 11, tr. 91-97	2018	
193.	Higher growth with combination of wet and coarse diet. Feed Mix:	Mai Anh Khoa và cs	the international Journal on feed, nutrition and technology	2008	
194.	Bước đầu đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại Bắc Kạn,	Mai Anh Khoa và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái	2014	

			Nguyên		
195.	Selection of Suitable Forages For The Cold and Dry Conditions In North West Vietnam, Proceedings of the International Conference 2015 on Livelihood Development and Sustainable Environment Management in the Context of Climate Change,	Mai Anh Khoa và cs	Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, Published by Agriculture Publishing House	2015	
196.	Initial assessment on growth and yield of some grass varieties grown in the northwestern mountainous region,	Mai Anh Khoa và cs	Journal of Science and Technology, Thai Nguyen University	2014	
197.	Evaluation of Phosphorus recoverability from poultry drops via some bio-physio-chemical methods	Mai Anh Khoa và cs	Journal of Science and Technology – TNU	2010	
198.	Bước đầu đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại Bắc Kạn	Mai Anh Khoa, Trần Văn Thăng, Nguyễn Thu Phương, Trần Huê Viên, Nguyễn Hưng Quang, Nguyễn Hữu Cường.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái nguyên, Tập 119, Số 5, tr. 3-8	2014	
199.	Effect of tannin in green tea by-product in combination with Bio-char supplemented into basal beef cattle diet on nutrient digestibility, methane production and animal performance	Mai Anh Khoa et al	Journal of Animal Sciences, Vol. 8, pp. 206-214	2018	

4.5. Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế tổ chức tại cơ sở đào tạo

Bảng 5: Hội thảo, hội nghị thuộc chuyên ngành đào tạo tổ chức ở Cơ sở đào tạo, kèm theo bảng sau:

TT	Tên hội thảo, hội nghị khoa học	Thời gian tổ chức	Cơ quan phối hợp tổ chức	Nội dung chủ yếu
1	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn	25,26/5/2008	công ty Japavina	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn

	có hiệu quả cao			
2	Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi	7/ 2009	công ty Japavina	Công nghệ chế biến thức ăn
3	Những bệnh mới và bệnh ghép ở gia súc và gia cầm	5,6/4/ 2010	công ty Japavina	Bệnh mới và biện pháp phòng trị
4	Chăn nuôi lợn đạt năng suất cao	9/2010	Viện chăn nuôi	Chăn nuôi lợn đạt năng suất cao
5	Những vấn đề mới trong công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp	5/2011	công ty Japavina	Công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp
6	Công nghệ cấy truyền phôi	6/2012	Viện chăn nuôi	Công nghệ cấy truyền phôi

Bảng 6: Dự án, chương trình hợp tác thuộc chuyên ngành đào tạo, kèm theo bảng danh mục:

TT	Tên đề tài, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan tham gia	Thời gian hợp tác (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Nội dung chính của hợp tác đối với Chuyên ngành
	-	-	-	-	-

Bảng 7: Giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành tham gia đào tạo thạc sĩ với CSĐT nước ngoài, kèm theo bảng:

TT	Họ, tên giảng viên, cán bộ khoa học	Cơ sở đào tạo đến hợp tác, nước	Thời gian (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Công việc thực hiện chính
	-	-	-	-

Bảng 8: Giảng viên/Cán bộ khoa học của cơ sở đào tạo nước ngoài tham gia đào tạo chuyên ngành thạc sĩ, kèm theo bảng sau:

TT	Họ, tên	Cơ sở đào tạo nước ngoài	Thời gian (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Công việc thực hiện chính

	-	-	-	-
--	---	---	---	---